

QUAN NIỆM VỀ ĐẠO ĐỨC TRONG TRIẾT HỌC I.KANT QUA TÁC PHẨM “PHÊ PHÁN LÝ TÍNH THỰC HÀNH”

✦ TẠ VĂN TỊNH

Đại học Khoa học xã hội và nhân văn
Thành phố Hồ Chí Minh

ThS NGUYỄN THÁI HÒA
Đại học Đà Lạt

• **Tóm tắt:** Trong lịch sử triết học thế giới, triết học cổ điển Đức đã để lại những giá trị to lớn vượt thời đại, trong đó triết học của Immanuel I.Kant chiếm vị trí rất nổi bật. I.Kant là người sáng lập ra triết học cổ điển Đức, là nhà tư tưởng vĩ đại mà đến ngày nay những tác phẩm của ông vẫn còn được các nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu và nghiên cứu. Bài viết tập trung khai thác khía cạnh đạo đức như một nền tảng giá trị nhân văn trong triết học Immanuel I.Kant.

• **Từ khóa:** Immanuel I.Kant, đạo đức, Phê phán lý tính thực hành.

1. Quan niệm của I.Kant về đạo đức

Theo từ điển tiếng Việt: “Đạo đức là những tiêu chuẩn, nguyên tắc được dư luận xã hội thừa nhận, quyết định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội”⁽¹⁾.

Còn đối với I.Kant, đạo đức là quy luật nằm bên trong mỗi người, mang giá trị nội tại, là một mệnh lệnh tuyệt đối. Từ đó, hành vi đạo đức của con người phải phù hợp với bốn phận của mình. Mặt khác, khi đưa ra các hành vi đạo đức, con người cũng không thụ động hoàn toàn mà tuân thủ mệnh lệnh, luôn có một động lực từ bên trong, tự mình hành động và chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Vì con người có tự do nên những khi hành động một cách tự do là lúc con người tuân theo quy luật và suy nghĩ một cách hữu lý. Quả vậy, chính sự tự do sẽ giúp con người đạt tới đời sống đạo đức trong quy luật. Từ đó, con người vươn lên đạt tới cái Thiện tối cao.

I.Kant cũng đặt lại giá trị của đạo đức học, lấy đạo đức học làm nền tảng cho siêu hình học. Đạo đức học nêu lên những nguyên nhân làm cho linh hồn bất tử, sự tồn tại của Thượng Đế, tự do... Trí năng của con người cũng có luật lệ chi phối hành vi, nhắc bảo con người làm điều thiện. Đồng thời, “đạo đức đưa đến tự do. Vì con người là hữu thể đạo đức nên phải có ý chí tự do”⁽²⁾.

I.Kant thiết lập hệ thống đạo đức học trên nền tảng của động lực hay sự thôi thúc bên trong. Con người sẽ hành động tuân theo các “mệnh lệnh tuyệt đối”. Tuy nhiên, trong khi thực hiện những nguyên tắc, mệnh lệnh ấy, con người cũng thể hiện sự Tự do của mình. “Một người tốt là một người biết hành động vì bốn phận, do ý thức rõ điều mình phải làm chứ không phải do theo người hay sợ dư luận”⁽³⁾. Con người sẽ hành động vì ý chí tốt lành, hướng thiện của mình. Như thế, I.Kant đã giới thiệu khái niệm “bốn phận”, “ý chí tốt lành”,

“tự do” trong các hành vi phán đoán đạo đức của con người. Và các khái niệm trên sẽ được trình bày cụ thể và rõ ràng hơn ở chương tiếp theo trong tác phẩm của mình.

Đối với I.Kant, nguyên tắc đạo đức chính là nguyên tắc thực hành. Theo định nghĩa, ông khẳng định “các nguyên tắc thực hành là các mệnh đề bao hàm một sự quy định phổ biến đối với ý chí; và sự quy định này chứa đựng dưới nó nhiều quy tắc thực hành”⁽⁴⁾. Từ đó, các nguyên tắc thực hành được dựa trên các quy tắc bên trong ý chí của con người, mang lại lợi ích cho cá nhân và cả tập thể. Do đó, những hành vi được thực hiện theo hiến pháp không phải là hành vi đạo đức mà cần một nguyên tắc sâu xa hơn. Các quy tắc chi phối hành vi đạo đức đều mang tính chủ quan và khách quan.

“Các quy tắc này là có tính chủ quan hay [gọi] là các Châm ngôn (Maximen) khi điều kiện được xem xét bởi chủ thể như là chỉ có giá trị đối với ý chí riêng của chủ thể; nhưng, chúng lại có tính khách quan hay [gọi] là các quy luật thực hành (Pratische Gesetze) nếu điều kiện được nhận thức như là có tính khách quan, nghĩa là, có giá trị đối với ý chí của bất kỳ chủ thể nào có lý tính”⁽⁵⁾. Vì vậy, các hành vi đạo đức được thực hiện nhờ sự chi phối của các nguyên tắc đạo đức. Mà các nguyên tắc này bao giờ cũng là một sản phẩm của lý tính, vì nó đề ra hành vi như là phương tiện để đạt được ý đồ như một kết quả. Hay nói cách khác, đằng sau các hành vi đạo đức, con người nhận ra chính những nguyên tắc đạo đức đã điều khiển năng lực thực hành của mình.

2. Các nguyên tắc xác định hành vi đạo đức

Thứ nhất, tính thiện chí. “Một hành vi được gọi là tốt, nghĩa là một hành vi đạo đức, chỉ có thể có khi nó xuất phát từ một ý chí tốt (einguter Wille), một ý chí tốt tự nó”⁽⁶⁾. Mọi người đều có thể có những đức tính tốt như trung thực, bác ái, tha thứ, can đảm, kiên nhẫn... nhưng những đức tính tốt đó có thể trở thành vô cùng xấu xa và gian ác nếu ý chí xấu đang chi phối đức tính đó. Đơn cử như về đức tính kiên nhẫn, con người sẽ chịu đựng được những khó khăn, đau khổ để hy vọng một tương lai

tươi sáng, làm việc với tinh thần trách nhiệm, chờ đợi thành quả tốt đẹp ở phía trước. Tuy nhiên, đức tính kiên nhẫn này nằm trong thái độ căm thù thì không thể đạt được hạnh phúc.

Theo I.Kant, “mọi nguyên tắc thực hành tiên - giả định một đối tượng (chất liệu) của quan năng ham muốn như là cơ sở quy định cho ý chí thì đều có tính thường nghiệm và không thể mang lại các quy luật thực hành”⁽⁷⁾. Hay nói cách khác, nếu các nguyên tắc hành vi đạo đức dựa vào các yếu tố bên ngoài (sự tốt lành, vui sướng của thực tại, dư luận của người khác) mà không dựa vào ý chí thì chúng chỉ mang tính thường nghiệm, không thể trở thành quy luật giúp con người hoàn thiện. Vì lẽ, trong trường hợp này, chủ thể đã hành động với sự hình dung trạng thái, tình cảm của khách thể mà quên đi giá trị của mình. Từ đó, hành động của chủ thể chỉ mang tính nhất thời, cảm xúc dựa trên kinh nghiệm của cuộc sống. Đơn cử như bạn thấy mình phải tha thứ lỗi lầm của người khác bởi vì thấy anh ta hối hận, biết nhận ra thiếu sót bản thân. Nhưng khi một người khác cứ làm việc xấu mà không hót cái thì bạn đâm ra thù ghét người ấy. Cho nên, chính tình cảm đặc thù của mỗi người có thể thay đổi cùng với sự khác nhau của các nhu cầu của bản thân⁽⁸⁾. Như thế, không phải mọi hành vi xuất phát từ những đức tính tốt đều là hành vi đạo đức, mà chỉ có những hành vi xuất phát từ một ý chí tốt, mới là hành vi đạo đức.

Thứ hai, tôn trọng luật đạo đức. Hành vi đạo đức không phải là việc mà con người ép buộc phải làm hay hoàn thành, cũng không phải vì nó sinh lợi ích cho người nào để đạt một mục đích nhất định, mà chỉ vì muốn tôn trọng luật đạo đức. Các kết quả hay hậu quả hành vi đạo đức không chỉ phù hợp với luật đạo đức mà các hành vi đạo đức còn phải làm vì luật đạo đức. Bởi vì mọi hậu quả của hành vi này mang lại hạnh phúc cho người khác thì cũng có thể được hoàn thành nhờ một nguyên nhân sâu xa hơn. Đó là thái độ tôn trọng luật đạo đức. “Một hành động là đúng nếu và chỉ nếu nó phù hợp với luật đạo đức và nó có giá trị đạo đức nếu và chỉ

nếu nó được thực hiện từ sự tôn trọng cho luật đạo đức⁽⁹⁾. Thật thế, một người có thể hành động đúng đắn, khôn ngoan phù hợp với luật đạo đức nhưng nếu anh ta được thúc đẩy bởi các yếu tố vị kỷ thì hành động đó không có giá trị đạo đức. Ví như, bạn đi quyên góp từ thiện cho các trẻ em nghèo, mồ côi chỉ để được lên báo, nổi tiếng, khoe của cải thì hành động của bạn dù rất tốt, phù hợp với luật yêu thương nhưng đó không phải là hành vi đạo đức. Cho nên, chính “quy luật luân lý ban mệnh lệnh cho ta”⁽¹⁰⁾. Vì vậy, ta phải có thái độ tôn trọng luật đạo đức để thực hiện hành vi đạo đức. Chính “lòng tôn kính đối với quy luật luân lý là một tình cảm được tạo ra bởi một nguyên nhân trí tuệ”⁽¹¹⁾.

Thứ ba, tính không bị bó buộc. Một hành vi đạo đức không được thực hiện chỉ đơn thuần do xu hướng đám đông, sở thích, lòng vị kỷ hay sự khôn ngoan cá nhân mà được hành động một cách tự do. Một người, mà hành vi của anh ta bị chi phối bởi các xu hướng áp đặt của cá nhân và tập thể, là một người nô lệ, và do đó không thể hành động tự do. Hành vi đó được quyết định bởi sự lôi kéo hay thúc đẩy của sự vật, các kinh nghiệm thường nhật. Thêm nữa, hành động tự do không phải là làm bất cứ điều gì mình muốn bởi vì điều mình muốn bị chi phối bởi cảm xúc, lòng dục. Mặt khác, hành vi tự do cũng không phải là hành vi sống theo một quy luật mà người khác đặt ra. Nhưng hành vi tự do là sống theo luật do mình ban bố cho chính mình với tư cách là một tồn tại tự do. “Chính mình” ở đây được hiểu là một cái “tôi” siêu nghiệm không bị chi phối bởi các ngoại cảnh bên ngoài và ngay cả kinh nghiệm cá nhân⁽¹²⁾. Thật thế, chúng ta phải có tự do để làm điều mà chúng ta phải làm; nếu không chúng ta có nguy cơ mâu thuẫn hoàn toàn trong việc nhận thấy rằng chúng ta phải làm điều chúng ta không thể làm. Hay nói đúng hơn, con người phải có một ý chí tự do. “Một ý chí - có thể có quy luật của mình không ở đâu khác hơn ngoài hình thức ban bố quy luật đơn thuần của tâm ngôn - là một ý chí tự do”⁽¹³⁾. Chính nhờ có tự do, đời sống con người không còn khái niệm phi lý và vô hiệu.

Như vậy, tự do là một thành phần căn bản của hành vi con người; không có tự do thì cũng không có “sự bó buộc”. Như vậy, “các quy luật thực hành chỉ liên quan đến ý chí, chứ không xét đến việc có thể đạt được gì thông qua tính nhân quả”⁽¹⁴⁾. Các hành vi đạo đức phải xuất phát từ ý chí tốt, với thái độ tôn trọng luật đạo đức và tự do. Từ đó, con người nhận thấy một sự bó buộc phải làm với tinh thần trách nhiệm và bổn phận. Một ý chí tốt là ý chí hành động vì bổn phận. Qua đó, thiết định một phương pháp để hành động có đạo đức.

3. Phương pháp thực hành hành vi đạo đức

Một hành động vì bổn phận phải loại bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của sở thích để hành vi đó mang tính khách quan với thái độ tôn trọng những quy luật thực hành. Cho nên, nhờ sự tự ý thức trách nhiệm của mình, con người mới thấy bổn phận hành động tuân theo quy luật đạo đức phổ quát. “Mối quan hệ giữa một ý chí như thế [ý thức trách nhiệm] với quy luật là quan hệ *lệ thuộc* với tên gọi là *bổn phận (Verbindlichkeit)*, bao hàm một sự cưỡng chế về hành vi, mặc dù là sự cưỡng chế bằng lý tính đơn thuần và bằng quy luật khách quan của nó; và hành vi này sẽ dĩ được gọi là *nghĩa vụ (Pflicht)*, vì một ý chí lựa chọn (tự do) (*freie Willkür*)”⁽¹⁵⁾. Đồng thời, I.Kant cũng phân biệt sự khác nhau giữa hành vi được thực hiện “vì bổn phận” (*aus Pflicht*) và hành vi thực hiện “phù hợp với bổn phận” (*pflichtmässig*)⁽¹⁶⁾. “Phù hợp với bổn phận” nghĩa là hành động theo những tôn chỉ do người khác đặt ra cho ta hoặc ta hành động vì sợ dư luận; “vì bổn phận” là hành động vì chúng ta ý thức rằng đó là việc phải làm và có làm thì mới là một người đạo đức. Hay nói cách khác, “hành động ‘vì bổn phận’ diễn tả *động cơ* của người thực hiện hành vi (xuất phát từ một ý chí tốt), trái lại hành vi ‘phù hợp với bổn phận’ diễn tả hành vi khách quan mà không để ý đến *động cơ*”⁽¹⁷⁾. Đơn cử, bảo toàn tính mạng, bảo vệ sự sống là bổn phận của mỗi người. Trong trường hợp bị thất bại, đau khổ, chịu cực hình, họ vẫn không muốn chết nhưng cố gắng đến hơi thở cuối cùng, ý thức mình phải có bổn

phận bảo toàn sự sống. Đây là hành vi không xuất phát từ cảm tính mà từ bổn phận đang thôi thúc.

Theo I.Kant, Bổn phận mang tính khách quan, độc lập với khuynh hướng, ước muốn và nhu cầu chủ quan. Do đó, bổn phận là điều tất yếu của hành vi xuất phát từ sự tôn trọng quy luật. Hay nói cách khác, chính nghĩa vụ - bổn phận buộc con người phải thực hiện hành vi đạo đức vì sự tôn trọng của mình đối với quy luật đạo đức. Hành vi đạo đức phải hành động từ nghĩa vụ và từ lòng tôn kính đối với quy luật, chứ không phải từ lòng yêu mến và ham thích mang xu hướng cá nhân.

4. Những giá trị tích cực trong quan niệm về đạo đức của I.Kant

Thứ nhất, đạo đức học của I.Kant chứa đựng nhiều tư tưởng nhân đạo sâu sắc qua việc đề cao con người với tư cách là mục đích tự thân. Xuất phát từ “mệnh lệnh tuyệt đối”, con người phải hành động với thái độ tôn trọng người khác, không coi người khác như là phương tiện để giúp mình đạt tới mục đích với bản thân. Nói cách khác, con người không được coi người khác như những đồ vật thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Mọi người mọi nơi đều muốn được coi là những con người đích thực. Cho nên, việc coi người khác như là những phương tiện cá nhân đều là một hành vi vô đạo đức. Vì vậy, tự bản thân, con người phải nhận ra giá trị của nhân vị nơi mọi người để thấy được tinh thần hòa bình trong cách ứng xử với nhau.

Thứ hai, đạo đức học của I.Kant là đạo đức học bổn phận. Để có thể sống đạo đức, con người cần nhận ra trách nhiệm và bổn phận của mình trong tương quan với xã hội. Điều này cũng được Khổng Tử nói đến qua học thuyết chính danh của mình. Trong sách Luận Ngữ, Khổng Tử đã viết “Vua ra vua, bề tôi ra bề tôi, cha ra cha, con ra con”⁽¹⁸⁾. Nói một cách khái quát là ai ở vị trí nào cũng phải làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình ở các cương vị đó theo thang bậc. Để có chính danh, mỗi người phải thực hiện đúng danh phận của mình, không lạm quyền. Một xã hội có chính danh là một xã hội có trật tự kỷ cương, thái bình, thịnh trị. Có thể thấy,

Khổng Tử và I.Kant đều nhận ra, chính việc nhận ra bổn phận và trách nhiệm của mình trước quy luật luân lý là phương thức giúp con người hành động một cách có đạo đức.

Thứ ba, nét độc đáo nữa trong hệ thống triết học đạo đức của I.Kant, đó là để hành vi đạo đức mang tính phổ quát, con người cần hành động với một ý chí tốt hay thiện chí, bởi vì ý chí tốt này thì luôn đúng trong mọi hoàn cảnh, “quy luật luân lý phải trực tiếp quy định ý chí”⁽¹⁹⁾. Do đó, vấn đề đạo đức còn liên quan tới ý thức của con người về các quy tắc hay “luật cư xử”.

Thứ tư, triết học đạo đức của I.Kant đã góp phần mở ra một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử triết học Tây phương, ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành và phát triển nền triết học cổ điển Đức, khơi dậy cảm hứng cho các trào lưu triết học khác từ thế kỷ XIX đến nay ■

Tài liệu tham khảo:

1. Hữu Ngọc - Dương Phú Hiệp - Lê Hữu Tăng : *Từ điển Triết học giản yếu*, Nhà xuất bản Đại học và Trung học Chuyên Nghiệp, Hà Nội, 1987.
2. Đinh Ngọc Thạch & Trịnh Doãn Chính, *Lịch sử Triết học Phương Tây - Tập 1: Từ triết học Cổ Đại đến triết học cổ điển Đức*. Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2018.
3. Nguyễn Đoàn Tân: *Đạo đức học tổng quát*, Nxb Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016.
4. Richard Tarnas, *Quá trình chuyển biến tư tưởng Phương Tây*, dịch giả Lưu Văn Hy, Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2008.
5. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Hà Nội, 2006.

⁽¹⁾ Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Hà Nội, 2006, tr.291

⁽²⁾ Sir Julian Huxley - Dr. J. Bronowski - Sir Gerald Barry - James Fisher, *Tư tưởng loài người qua các thời đại*, dịch giả Đinh Công Thành & Võ Thái Hòa, Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, 2004, tr.157

⁽³⁾ Lê Tử Thành: *Bốn cây đại thụ của triết học Phương Tây cận đại*, Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2014, tr.95

^{(4)&(5)}, (7), (8), (10), (11), (13), (14), (15), (16), (19) Immanuel I.Kant, *Phê phán lý tính thực hành*, dịch giả và chú giải Bùi Văn Nam Sơn, Tri Thức, Hà Nội, 2015, tr.39, 42, 48, 65, 142, 53, 41, 59, 152, 139

⁽⁶⁾, ⁽¹⁷⁾ Ngô Thị Mỹ Dung: *Triết học đạo đức của Immanuel I.Kant và ảnh hưởng đối với triết học Đức thế kỷ XIX*, Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.62, 76

^{(9)&(12)} Minh Anh, *Triết học đạo đức của I.Kant*, <http://tinhthanhkhaiphong.blogspot.com/2015/07/tom-tat-ly-thuyet-ao-uc-cua-I.Kant.html>, cập nhật ngày 10-10-2021

⁽¹⁸⁾ Lý Minh Tuấn: *Tứ Thư Bình Giải - Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học, Trung Dung*, Tôn giáo, Hà Nội, 2011.